

Bản án số 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24/01/2019
Về việc tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hiếu Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chau Khiêng Sốc;
2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Oanh Đa Ra – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2018/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp - Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05 /2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Néang Sốc Th, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Tổ 16, khóm IV, thị trấn T, huyện T1, tỉnh An Giang.

** Bị đơn:* Anh Chau Sốc B, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 04, ấp A, xã C, huyện T1, tỉnh An Giang.

** Người phiên dịch:* Ông Chau Sốc Siên – Chuyên viên trợ giúp pháp lý huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Néang Sốc Th trình bày: Vào năm 2017, do mai mối chị và anh B có quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu và được sự chấp thuận của hai bên gia đình, chị và anh B đã tiến đến hôn nhân, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2018. Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng sống rất hạnh phúc, có 01 con chung tên Chau Sốc Ch, sinh

ngày 25 tháng 01 năm 2018. Sau đó thì anh B đã bỏ lên Bình Dương làm công nhân, không quan tâm gia đình nên đã sống ly thân cho đến nay. Nay chị Th xin được ly hôn với anh B. Về con cái chị Th yêu cầu được quyền nuôi cháu Cheat, yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Về phía bị đơn anh Chau Sóc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng anh B không đến tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản nên không có lời khai và hiện tại hộ khẩu vẫn do địa phương quản lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Chị Néang Sóc Th khởi kiện xin ly hôn đối với anh Chau Sóc B, anh B có nơi cư trú tại: Tổ 04, ấp Tô An, xã Cô Tô, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Anh Chau Sóc B đã được Tòa án triệu tập họp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Do mai mối, chị Th và anh B có quen biết và yêu nhau, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn vào ngày 02 tháng 01 năm 2018 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị Th có đơn yêu cầu xin ly hôn, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh B không đến, cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét, thời gian ly thân giữa chị Th và anh B đã hơn 01 năm chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải, vận động tạo điều kiện cho được hàn gắn chung sống lại với nhau nhưng chị Th vẫn kiên quyết xin được ly hôn. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Th.

- Về quan hệ con chung: Tại giấy khai sinh thể hiện chị Néang Sóc Th và anh Chau Sóc B có 01 con chung tên Chau Sóc Cheat, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2018. Nay chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Th và yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sống ly thân cho đến nay thì cháu Ch đang sống ổn định với chị Th, vì vậy nghĩ nên cần tiếp tục giao cháu Cheat cho chị Th được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ngoài ra anh B hiện đã đi làm công nhân tại Bình

Dương có mức lương cơ bản để lo cho cuộc sống, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh B không gửi văn bản hay có ý kiến vì về việc nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn nên cần buộc anh B phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 700.000 đồng/tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp.

- Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận chị Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do chị Néang Sóc Th xin được ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng.

Anh Chau Sóc B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228, Điều 271; và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107, Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Néang Sóc Th.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Néang Sóc Th được ly hôn anh Chau Sóc B.

[2] Về quan hệ con chung: Chị Néang Sóc Th được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Chau Sóc Cheat, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2018, cho đến khi thành niên và không mất khả năng lao động. Anh Chau Sóc B có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con là cháu Chau Sóc Ch mỗi tháng là 700.000 đồng cho đến khi cháu Ch đủ tuổi trưởng thành, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên chị Th cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc anh B thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận chị Th xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên (chị Th và anh B) vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Néang Sóc Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0001837 ngày 24 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Th hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh Chau Sóc B phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (thị trấn) nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bản án này được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân sự có quyền thỏa thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc bị cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H.Tri Tôn;
- Chi cục THADS H.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hiếu Trung

